

Phụ lục 1
BẢNG GIÁ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ ĐỐI VỚI Ô TÔ, XE MÁY
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG (BỔ SUNG)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

BẢNG 1: Ô TÔ CHỖ NGƯỜI TỪ 9 NGƯỜI TRỞ XUỐNG

STT	Nhãn hiệu	Kiểu loại xe [Tên thương mại (Mã kiểu loại)/ Tên thương mại/ số loại]	Thể tích làm việc	Số người cho phép chở (kể cả lái xe)	Giá tính LPTB (VNĐ)
Phần 1a. Ô tô chở người từ 9 người trở xuống nhập khẩu					
1	HONDA	HR-V L RV388TEN	1,5	5	750.000.000
2	SUZUKI	FRONX GL AT (MWDA3S)	1,5	5	520.000.000
3	HYUNDAI	STARGAZER I6W7D661V G G360	1,5	7	615.000.000
4	GEELY	EX5 EM-I MAX P145	1,5	5	909.000.000
5	HYUNDAI	STARGAZER (I6W7D661V G G371)	1,5	7	569.000.000
6	MERCEDES-BENZ	MERCEDES-MAYBACH GLS 600 FL (167987)	4	4	12.379.000.000
7	HONDA	HR-V G (RV386TLN)	1,5	5	699.000.000
8	VOLKSWAGEN	TERAMONT PRO (DG13BT)	2	7	2.878.000.000
9	HONDA	HR-V FHEV E:HEV RS (RV589TEN)	1,5	5	835.000.000
10	BYD	BYD M9 PREMIUM (MC)	1,5	7	2.388.000.000
11	TOYOTA	LAND CRUISER PRADO CD (TJA250L-GNZLZ)	2393	7	3.817.000.000
12	FORD	EVEREST (TEKFB041716)	2,3	7	1.637.000.000
13	FORD	EVEREST (TEK7452B725)	1996	7	1.343.000.000
14	HONDA	CIVIC RS (FE168TG)	1498	5	889.000.000
15	FORD	EVEREST (TEKABF640A4)	2	7	1.137.000.000
Ô tô điện					
1	GEELY	EX2 MAX (E22H)	85	5	499.000.000
2	BYD	BYD DOLPHIN (EM2E-4)	70	5	569.000.000
Phần 1b. Ô tô chở người từ 9 người trở xuống sản xuất, lắp ráp trong nước					
1	HONDA	CR-V E:HEV RS RS-RS588TJN	2,0	5	1.250.000.000
2	KIA	CARENS KY 1.5G IVT FL7-01	1,5	7	639.000.000
3	KIA	SONET QY PE 15G CVT FS5	1,5	5	554.000.000
4	BMW	520I 15HL	2	5	2.699.000.000
5	HONDA	CR-V E:HEV LX LX-RS587TEN	2	5	1.170.000.000
6	SKODA	SLAVIA ACTIVE PBT2B5	1	5	479.000.000
7	KIA	CARNIVAL KA4 PE 1.6 A HEV/7S	1,6	7	1.779.000.000
8	SKODA	KUSHAQ STYLE PAV8BC	1	5	623.000.000
9	FORD	TERRITORY JX6470PD6-TITA X	1,5	5	904.000.000
10	MERCEDES-BENZ	C 200 AVANTGARDE PLUS (V2) 206042	1,5	5	1.799.000.000
11	KIA	CARNIVAL KA4 PE 1.6 A HEV-01	1,6	7	1.619.000.000
Ô tô điện					
1	VINFAST	VF MPV 7 T7TP01	150	7	819.000.000
2	VINFAST	VF 5 PLUS S5EJ06	100	5	529.000.000
3	VINFAST	VF 7 PLUS K5CF01	150	5	889.000.000
4	VINFAST	VF 3 94KL06	30	4	299.000.000
5	VINFAST	VF 7 PLUS N5BE01	130	5	889.000.000
6	VINFAST	VF 8 PLUS U5AA05	150	5	1.199.000.000

BẢNG 2: Ô TÔ PICK UP, Ô TÔ TẢI VAN

STT	Nhãn hiệu	Kiểu loại xe [Tên thương mại (Mã kiểu loại)/ Tên thương mại/Số loại]	Thể tích làm việc	Số người cho phép chở (kể cả lái xe)	Giá tính LPTB (VNĐ)	Ghi chú
Phần 2a. Ô tô pick up, tải Van nhập khẩu						
1	TOYOTA	HILUX 4X4 AT CF GUN226L-DTTHXU	2,8	5	911.000.000	Ô tô tải pick up cabin kép
2	SUZUKI	EECO JDT08B	1,2	2	310.000.000	Ô tô tải Van
3	TOYOTA	HILUX 4X2 MT CF GUN236L-DTFLXU	2,8	5	640.000.000	Ô tô tải pick up cabin kép
Phần 2b. Ô tô pick up, tải Van sản xuất, lắp ráp trong nước						
1	THACO	TOWNER T024A29R122	1,6	2	301.481.000	Ô tô tải Van
2	GAZ	GAZELLE NN A31R32.E5II	2499	3	740.000.000	Ô tô tải Van
3	DOTHANH	MISSU V65 2S	1,6	2	363.500.000	Ô tô tải Van
4	VEAM	V2-2N	1,5	2	242.000.000	Ô tô tải Van
5	THACO	TOWNER (T024A31R122)	1,6	2	329.000.000	Ô tô tải Van
6	VEAM	C35-2N	1493	2	305.000.000	Ô tô tải Van
7	TERACO	TERA V3	1370	2	270.000.000	Ô tô tải Van
8	VINFAST	EC VAN U2KR01	30	2	325.000.000	Ô tô tải Van điện
9	VINFAST	EC VAN P2KR01	30	2	305.000.000	Ô tô tải Van điện
10	VINFAST	EC VAN W2KR01	30	2	325.000.000	Ô tô tải Van điện
11	SRM	X30L-V5	1,6	5	335.000.000	Ô tô tải Van
12	SRM	X30LP-V2	1,6	2	310.000.000	Ô tô tải Van
13	THACO	TOWNER T026D29R122	1,6	5	394.000.000	Ô tô tải Van

BẢNG 6: XE MÁY**Phần 6a. Xe máy hai bánh nhập khẩu**

ST T	Nhãn hiệu	Kiểu loại xe [Tên thương mại/ Số loại]	Thể tích làm việc/ Công suất (cm3/k W)	Giá tính LPTB (VNĐ)	Loại phương tiện
1	HONDA	VARIO 125 SPORTY	124,9	48.300.000	Xe mô tô hai bánh
2	HONDA	ADV 160 ROADSYNC	156,9	96.000.000	Xe mô tô hai bánh
3	CFMOTO	450MT	449	127.000.000	Xe mô tô hai bánh
4	CFMOTO	PAPIO XO-2	125	47.000.000	Xe mô tô hai bánh
5	HONDA	SUPER CUB 50 FINAL EDITION	49	114.000.000	Xe mô tô hai bánh
6	TVS	RONIN TD	225,9	72.000.000	Xe mô tô hai bánh
7	HARLEY- DAVIDSON	FAT BOY	1923	969.000.000	Xe mô tô hai bánh
8	HONDA	VARIO 125 STREET	124,9	45.000.000	Xe mô tô hai bánh

Phần 6b. Xe máy hai bánh sản xuất, lắp ráp trong nước

1	JVCECO	XMEN F1 R	1,5	16.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
2	SONCO	BUN	1	13.473.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
3	YADEA	YD1200DT-22G	2,5	26.800.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
4	YADEA	YD800DT-19G	1,5	17.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
5	VICTORIA	V38-PRO 1	1,7	19.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
6	BEFORE ALL	BF	2,6	25.960.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
7	VICTORIA	VIRAL S2	1,5	16.200.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
8	TAILG	GR55	1,3	11.939.999	Xe gắn máy hai bánh (điện)
9	YADEA	YD1500DT-9G	2,8	28.100.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
10	VICTORIA	VIRAL-PRO 2	1,6	17.465.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
11	VINFAST	VINFAST AMIO	0,8	13.900.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
12	YADEA	YD350DT-9G	1,5	18.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
13	DIBAO	GOGO MOON	1,5	16.165.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
14	TAILG	JS50	1	15.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
15	TAILG	R60	1,7	16.340.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
16	BEFORE ALL	CIVIT	1,2	12.420.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
17	YAKA	CREAM	1,7	15.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
18	VERA	MILANS	1,6	11.664.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
19	KAZUKI	AROMA	1,6	19.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
20	POWELLDD	WESPAN PRO	1,8	19.900.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
21	DK	D1	1,1	17.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
22	MOVE	ATHENA PRO	1,6	14.990.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
23	ESPERO	DIAMOND ULTRA	1,6	16.800.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
24	YAKA	LAVIA SX	1,7	15.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
25	YADEA	YD350DT-2G	1	13.990.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
26	VINFAST	EVO GRAND LITE +1	1,9	18.900.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
27	BEFORE ALL	LIVE GO	1,58	14.900.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
28	VINFAST	VINFAST EVO LITE	2,3	19.662.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
29	JVCECO	GOGO	1,5	12.320.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
30	DK BIKE	CREA MONO	1,5	14.970.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
31	PIXAR	946PLUS	1,6	14.390.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
32	TAILG	NOVA	1,6	17.500.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
33	SONCO	LYN	0,245	16.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)

34	YADEA	YD400DT-26G	1	13.990.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
35	YADEA	YD240DT-1G	0,43	29.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
36	ESPERO	DIAMOND PLUS-I	1,6	16.000.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
37	YAKA	LAVIA PLUS	1,65	17.300.000	Xe gắn máy hai bánh (điện)
38	ALLY	RUBBY	49,5	17.150.630	Xe gắn máy hai bánh
39	DAELIMIKD	VENUS	49,5	21.490.000	Xe gắn máy hai bánh
40	HYOSUNG	HSV1	49,5	17.200.000	Xe gắn máy hai bánh
41	VICTORIA	RC4 SPORT	49,6	15.730.000	Xe gắn máy hai bánh
42	INDOMOTOR	50CC-2	49,6	14.580.000	Xe gắn máy hai bánh
43	INDOMOTOR	89 NEW	49,6	19.016.000	Xe gắn máy hai bánh
44	MOTORTHAI	FX	49,5	11.800.000	Xe gắn máy hai bánh
45	SAKI MOTOR	KARIK-S	49,5	9.052.363	Xe gắn máy hai bánh
46	DAELIMRC	50S	49,5	9.500.000	Xe gắn máy hai bánh
47	MOTORTHAI	S1	49,5	13.800.000	Xe gắn máy hai bánh
48	YALIM	SIRUS CV7	49,6	11.800.000	Xe gắn máy hai bánh
49	DAELIMKORE	RSC	49,5	16.300.000	Xe gắn máy hai bánh
50	YALIM	SAPHIA	49,6	13.200.000	Xe gắn máy hai bánh
51	CUB ALLY	CLASSIC	49,5	13.300.000	Xe gắn máy hai bánh
52	KAISER	M2	49,5	14.990.000	Xe gắn máy hai bánh
53	ALLY	VEGAS H	49,4	21.736.440	Xe gắn máy hai bánh
54	VICTORIA	RC3 SPORT	49,6	15.470.000	Xe gắn máy hai bánh
55	YALIM	RONALDO	49,6	16.769.000	Xe gắn máy hai bánh
56	ESPERO	50VS CLASSIC-1	49,6	22.500.000	Xe gắn máy hai bánh
57	OSAKAR	NISPA VERA PS	49,4	20.459.000	Xe gắn máy hai bánh
58	KAISER	W2	49,5	15.500.000	Xe gắn máy hai bánh
59	DAELIM MOTOR	RS	49,6	13.200.000	Xe gắn máy hai bánh
60	DAELIM-KREA	RS 50A	49,5	16.267.000	Xe gắn máy hai bánh
61	ESPERO	EX5 KING 50	49,5	17.100.000	Xe gắn máy hai bánh
62	VICTORIA	CX1	49,5	12.500.000	Xe gắn máy hai bánh
63	SUMOTOR	SUPER50	49,5	16.800.000	Xe gắn máy hai bánh
64	VIET THAI	WAVS VTX	49,5	13.300.000	Xe gắn máy hai bánh
65	ALLY	WS 50	49,5	17.300.000	Xe gắn máy hai bánh
66	VIET THAI	SIRUS FX	49,6	13.554.000	Xe gắn máy hai bánh
67	VICTORIA	AT69	49,4	15.500.000	Xe gắn máy hai bánh
68	VICTORIA	AT88-ROYAL	49,4	26.380.000	Xe gắn máy hai bánh
69	VIET THAI	SIRUS C50	49,6	15.278.000	Xe gắn máy hai bánh
70	DAELIM-KREA	RS-LED	49,5	15.100.000	Xe gắn máy hai bánh
71	DAELIMKORE	SI	49,5	17.000.000	Xe gắn máy hai bánh
72	DAELIMKORE	SIRI	49,5	17.000.000	Xe gắn máy hai bánh
73	VIET THAI	DR SPORT	49,5	14.200.000	Xe gắn máy hai bánh
74	J-PAN	CUPX J - PAN	49,6	12.000.000	Xe gắn máy hai bánh
75	VICTORIA	AT88-1	49,4	16.300.000	Xe gắn máy hai bánh
76	HALIM	HS2	49,5	16.100.000	Xe gắn máy hai bánh
77	DAELIMIKD	SI7	49,5	16.090.000	Xe gắn máy hai bánh
78	ESPERO	RETRO MAX	49,5	16.120.000	Xe gắn máy hai bánh
79	DAELIMIKD	CANELY S	49,5	21.900.000	Xe gắn máy hai bánh
80	VICTORIA	CX8	49,6	14.500.000	Xe gắn máy hai bánh
81	VINFAST	VINFAST EVO	2,45	19.990.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
82	YADEA	YD2000DT-3G	3,05	36.990.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
83	TAILG	T61	3,2	29.970.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
84	VINFAST	VINFAST FELIZ II	3	24.900.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
85	YADEA	YD3000DT-5G	4,7	52.990.000	Xe mô tô hai bánh (điện)

86	VINFAST	VINFAST VIPER	3	39.900.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
87	YADEA	YD1500DT-10G	2,9	36.990.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
88	TAILG	T72L	6	35.550.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
89	BEFORE ALL	BF150S	4,4	35.450.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
90	VINFAST	EVO GRAND +1	2,25	22.800.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
91	YADEA	YD1500DT-8G	2,75	39.713.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
92	YADEA	YD2000DT-3G	3,05	36.990.000	Xe mô tô hai bánh (điện)
93	ESPERO	130W4	127	20.000.000	Xe mô tô hai bánh
94	VERA	VESPAC	49,5	19.000.000	Xe mô tô hai bánh
95	YAMAHA	GEAR-DF92	124,9	35.000.000	Xe mô tô hai bánh
96	YAMAHA	GEAR-DF91	124,9	32.000.000	Xe mô tô hai bánh